

# TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC TRONG THỰC HÀNH NGHỀ TÂM LÝ Ở VIỆT NAM

Trần Thị Minh Đức

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.*

## TÓM TẮT

*Bài viết trình bày quá trình xây dựng Bộ quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý ở Việt Nam. Trước hết, tác giả phân tích các nguyên tắc cốt lõi và nhóm vấn đề đạo đức cụ thể dựa trên phân tích 27 bộ quy tắc đạo đức, trong đó có 25 bộ của các Hiệp hội Tâm lý học, Hiệp hội Tham vấn và/hoặc Trị liệu trên thế giới và 2 Bộ quy tắc ngành Công tác xã hội và ngành Luật, cùng với kết quả của ba nghiên cứu về thực hành tham vấn/trị liệu và đạo đức nghề nghiệp tại Việt Nam. Sau đó, tác giả sử dụng phương pháp ma trận để phân tích sự liên kết giữa bốn nguyên tắc đạo đức cốt lõi là Tôn trọng, Liêm chính, Năng lực, Trách nhiệm với các nhóm vấn đề đạo đức quan trọng như: trách nhiệm với nghề nghiệp, với khách hàng, với đồng nghiệp, với tổ chức và xã hội, với đào tạo - giám sát - nghiên cứu, vấn đề báo cáo sai phạm và ra quyết định đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, tác giả đã trực quan hóa bộ quy tắc bằng mô hình Cây đạo đức, đồng thời xây dựng các tình huống đạo đức cụ thể gắn với thực hành tâm lý tại Việt Nam. Bộ quy tắc cũng được thử nghiệm giảng dạy như một môn học chính thức trong đào tạo hệ cử nhân tham vấn và cao học ngành Tâm lý học trường học, cũng như lồng ghép vào các môn tham vấn và trị liệu tâm lý tại một số trường đại học trong ít nhất 5 năm. Bên cạnh đó, tác giả cũng lấy ý kiến phản hồi từ người học và giới thiệu bộ quy tắc trong các hội thảo chuyên ngành. Những thử nghiệm này giúp tác giả bước đầu tin tưởng vào tính hợp lý của Bộ quy tắc đạo đức, khi nội dung của nó phản ánh đầy đủ các yêu cầu và hành vi ứng xử nghề nghiệp của nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng trong thực hành nghề ở Việt Nam.*

**Từ khóa:** Đạo đức; Bộ quy tắc đạo đức; Thực hành tâm lý.

Ngày nhận bài: 11/1/2025; Ngày duyệt đăng bài: 25/1/2025.

**Lời dẫn:** Để xây dựng Bộ quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý ở Việt Nam, bài viết cần trả lời 2 câu hỏi lớn: 1/ Tiến trình xây dựng Bộ quy tắc đạo đức diễn ra thế nào? và 2/ Bộ quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý thể hiện qua những điều khoản đạo đức cụ thể nào?

Trong khuôn khổ bài viết có giới hạn về số trang, tác giả xin trình bày hai câu hỏi này thành 2 bài. Bài thứ nhất: “Tiến trình xây dựng Bộ quy tắc đạo đức trong thực

*hành nghề tâm lý ở Việt Nam. Bài thứ hai: “Đề xuất Bộ quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý ở Việt Nam”.*

## **1. Đặt vấn đề**

Bộ quy tắc đạo đức (Code of Ethics) trong thực hành tâm lý đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng. Nó là kim chỉ nam giúp nhà thực hành bảo vệ lợi ích và sự an toàn của khách hàng và chính nhà tâm lý; duy trì uy tín và sự phát triển bền vững của nghề tâm lý trị liệu. Ngoài ra, nó giúp các nhà thực hành tâm lý thực hiện công việc của mình một cách chuyên nghiệp, có trách nhiệm và nhân văn.

Đối với tác giả, việc xây dựng bộ quy tắc đạo đức này bắt nguồn từ trách nhiệm biên soạn tài liệu môn học - Môn Đạo đức nghề Tham vấn - để dạy cho sinh viên chuyên ngành Tâm lý học Tham vấn (bắt đầu từ khóa 2011 - 2012). Mục tiêu ban đầu là phác thảo một bộ quy tắc giúp sinh viên dễ học, dễ áp dụng vào thực tế, đồng thời có thể áp dụng vào thực hành tham vấn và trị liệu tâm lý. Xa hơn, Bộ quy tắc đạo đức có thể là cơ sở “pháp lý” để góp phần thúc đẩy sự phát triển nghề tâm lý ở Việt Nam, như xin mã nghề, xác định vị trí việc làm trong xã hội và cấp chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp.

Để biên soạn tài liệu môn học theo định hướng thực hành, Bộ Quy tắc đạo đức được bắt đầu xây dựng từ năm 2007, trước khi Bộ môn Tâm lý học Tham vấn được thành lập (năm 2008). Công việc đầu tiên là thu thập các tài liệu nghiên cứu lý luận và thực tiễn về đạo đức trong tham vấn và trị liệu tâm lý, đồng thời phân tích các bộ quy tắc đạo đức trên thế giới dành cho các nhà tâm lý nói chung và các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng - những người làm trị liệu tâm lý - nói riêng. Bên cạnh đó, việc quan sát thực tế, phỏng vấn về đạo đức trong thực hành nghề tâm lý, cũng như trực tiếp can thiệp tâm lý cho thân chủ/khách hàng đã giúp tác giả thử nghiệm các tình huống lâm sàng để phân tích, đánh giá mức độ phù hợp của các điều khoản đạo đức đang được thử nghiệm.

Trong giai đoạn xây dựng Bộ Quy tắc đạo đức, tác giả có may mắn tham gia Hội thảo khoa học Quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á lần thứ I “Hạnh phúc con người và phát triển bền vững” (được tổ chức năm 2018 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội). Tại Tiểu ban Đạo đức, tác giả nhận được sự gợi ý từ giáo sư Janel Gauthier (Canada) về cách xây dựng và phân tích mối liên kết giữa các nguyên tắc đạo đức và các nhóm quy tắc đạo đức cụ thể trong một bộ quy tắc đạo đức. Đây là nền tảng khoa học quan trọng giúp tác giả tự tin hơn trong tiến trình thử nghiệm xây dựng Bộ quy tắc đạo đức nghề tâm lý cho Việt Nam.

Trong lĩnh vực Tâm lý học, trên thế giới có rất nhiều bộ quy tắc đạo đức khác nhau: Có bộ đạo đức chỉ dành cho các nhà tâm lý học, như Bộ Nguyên tắc đạo đức và Quy tắc ứng xử của Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ (APA), Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Hiệp hội Tâm lý học Anh (BPS) hoặc của Hiệp hội Tâm lý Philippines (PAP), v.v. Đồng thời, các nước cũng có các bộ quy tắc đạo đức dành cho các nhà tham vấn, như của Hiệp hội Tham vấn Singapore, của Hiệp hội Tham vấn và Trị liệu tâm lý Anh (BACP), của Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ (ACA), của Hiệp hội Tham vấn New Zealand (NZAC), v.v. Ngoài ra, cũng có những bộ quy tắc đạo đức dành chung cho các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng, như Bộ quy tắc đạo đức của Hiệp hội các nhà tâm lý học Trung Quốc (CPS), Bộ quy tắc đạo đức dành cho các nhà tham vấn và trị liệu của Hiệp hội Tham vấn và Trị liệu Canada (CCPA), v.v.

Các bộ quy tắc đạo đức dành cho các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng hoặc các nhà tham vấn và trị liệu tâm lý đều có những điểm quan trọng chung, như cùng hướng đến hỗ trợ tâm lý cho khách hàng và có sự giao thoa trong thực hành. Ví dụ, các nhà tâm lý học tham vấn ít nhiều đều sử dụng các kỹ thuật trị liệu để can thiệp tâm lý cho khách hàng có rối nhiễu/rối loạn tâm lý thể nhẹ. Ngược lại, các nhà tâm lý lâm sàng cũng làm công việc tham vấn. Họ sử dụng các kỹ năng, kỹ thuật trong tham vấn để hỗ trợ khách hàng có rối nhiễu tâm lý. Như vậy, cả hai nhóm đều hỗ trợ và can thiệp tâm lý cho khách hàng, tùy theo các vấn đề nặng nhẹ khác nhau. Thậm chí, nếu được đào tạo mở rộng và chuyên sâu các nhà tâm lý thực hành đó đều có thể làm việc trên tất cả các nhóm khách hàng có vấn đề tâm lý nói chung. Ở một số quốc gia, hệ thống cấp phép và chứng nhận cho các nhà tham vấn và nhà trị liệu tâm lý có nhiều điểm tương đồng. Vì vậy, việc sử dụng một bộ quy tắc đạo đức chung giúp đảm bảo rằng tất cả những người làm việc trong lĩnh vực hỗ trợ tâm lý đều tuân thủ những tiêu chuẩn nghề nghiệp nghiêm ngặt, bất kể họ thuộc nhóm chuyên môn nào.

Xét trong bối cảnh Việt Nam, nơi có cộng đồng tâm lý thực hành nhỏ, mới phát triển và chưa phân hóa rõ ràng trong đào tạo các nhà tham vấn và nhà lâm sàng; cũng như chưa có sự phân định rõ ràng giữa hoạt động tham vấn và trị liệu tâm lý, nên việc xây dựng một bộ quy tắc đạo đức chung sẽ giúp đơn giản hóa các quy định, đồng thời tránh những mâu thuẫn hoặc chông chéo giữa các bộ quy tắc khác nhau. Vì vậy, tác giả bước đầu phác thảo bộ đạo đức chung dành cho các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng để áp dụng trong lĩnh vực đào tạo và sau đó, thử nghiệm trong lĩnh vực thực hành tham vấn và trị liệu tâm lý.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Quá trình nghiên cứu để xây dựng Bộ Quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý được thực hiện theo các bước sau:

### **2.1. Nghiên cứu các bộ quy tắc đạo đức trên thế giới**

Xét riêng trong khuôn khổ phân tích các bộ quy tắc đạo đức trên thế giới và ở Việt Nam, tác giả đã tham khảo 27 bộ quy tắc từ các hiệp hội chuyên nghiệp, trong đó có 25 bộ đạo đức thuộc ngành tâm lý học. Chúng bao gồm: 6 bộ đạo đức của các Hiệp hội Tâm lý và Tham vấn/trị liệu ở Bắc Mỹ (của Hoa Kỳ và Canada); 9 bộ đạo đức của các Hiệp hội ở châu Âu (trong đó có bộ đạo đức của châu Âu nói chung và của Anh, Pháp, Bỉ, Đức, Ailen và Nga); 3 bộ đạo đức của các Hiệp hội ở châu Úc (Úc và New Zealand); 7 bộ đạo đức của các Hiệp hội ở châu Á (gồm Trung Quốc, Nhật, Philippines, Singapore và Thổ Nhĩ Kỳ).

Có bốn tiêu chí lựa chọn các bộ quy tắc đạo đức để tham khảo và cũng là cơ sở để xây dựng bộ tiêu chuẩn đạo đức cho Việt Nam, đó là:

*Thứ nhất, tính đại diện và phạm vi ảnh hưởng:* Các bộ quy tắc được lựa chọn tham khảo đều đến từ những khu vực có nền tâm lý học phát triển mạnh, đa dạng (như Bắc Mỹ, châu Âu, châu Úc, châu Á); phản ánh nhiều truyền thống và nền tảng tâm lý khác nhau. Điều này giúp đảm bảo tính toàn diện cho việc xây dựng Bộ quy tắc đạo đức Việt Nam.

*Thứ hai, sự tương đồng về hệ thống văn hóa - lối sống:* Một số quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Philippines, Singapore có hệ thống đạo đức và lối sống ít nhiều

tương đồng hoặc có thể áp dụng ở Việt Nam. Điều này làm tăng tính phù hợp về văn hóa ứng xử thay vì chỉ tham khảo các mô hình đạo đức của phương Tây.

*Thứ ba, tính toàn diện và sự cập nhật:* Các bộ quy tắc được tham khảo đều đến từ các Hiệp hội Tâm lý uy tín trên thế giới. Chúng có các tiêu chuẩn chặt chẽ và được cập nhật thường xuyên. Tiêu biểu như bộ quy tắc đạo đức của APA (Mỹ), BPS (Anh), CPA (Canada). Các bộ đạo đức này cung cấp một nền tảng vững chắc về các tiêu chuẩn đạo đức cốt yếu của nghề tâm lý để các nước tham chiếu.

*Cuối cùng, sự phù hợp với nhu cầu thực tế:* Các bộ quy tắc được tham khảo vừa giúp xác định các nguyên tắc chung về đạo đức, vừa có thể điều chỉnh theo đặc điểm văn hóa, xã hội và pháp luật Việt Nam. Điều này tránh được sự rập khuôn và đồng thời tạo ra một hệ thống các điều khoản đạo đức linh hoạt, thực tế và có thể bổ sung, chỉnh sửa dễ dàng khi cần.

Ngoài ra, tác giả tham khảo thêm Bộ Quy tắc đạo đức ngành Công tác xã hội (Hoa Kỳ). Trong đó, mục “Trách nhiệm đạo đức đối với xã hội” đã giúp tác giả bổ sung một số ý quan trọng để xây dựng tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội của nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng. Điều này phù hợp với bối cảnh thực hành nghề tại Việt Nam, trong khi các bộ quy tắc đạo đức nghề tâm lý chưa nhấn mạnh về vai trò xã hội của các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng. Ngoài ra, tác giả cũng tham khảo Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của Hội Luật sư Việt Nam (Luật Luật sư, 2006, sửa đổi 2012) để học hỏi cách hành văn khi trình bày một điều khoản đạo đức cụ thể. Nó đảm bảo việc sử dụng ngôn ngữ chặt chẽ, rõ ràng, giúp nâng cao tính pháp lý và phù hợp với bối cảnh thực hành nghề tâm lý có kiểm soát ở Việt Nam.

Có thể nói, số lượng các nguyên tắc đạo đức được các nhà tâm lý lựa chọn để đưa vào trong các bộ đạo đức nghề nghiệp của các nước là rất khác nhau và chúng có các giá trị khác nhau, tùy theo cách nhìn nhận của họ về các giá trị cần có đối với các nhà tâm lý. Những nguyên tắc này phản ánh các giá trị mong muốn của xã hội về các phẩm chất nhân cách trong thái độ và ứng xử của các nhà tâm lý khi hành nghề. Nhìn chung, các nguyên tắc đạo đức thường được đưa vào trong các bộ đạo đức của các nước, có thể là: sự tôn trọng, công bằng, trung thực, liêm chính, bảo mật, tính nhân văn, thẩm quyền, lợi ích, quyền tự quyết, năng lực chuyên môn, trách nhiệm chuyên môn và khoa học, trách nhiệm xã hội, v.v. Trong đó, 4 nguyên tắc đạo đức như: tôn trọng, liêm chính, năng lực chuyên môn và trách nhiệm có tần số xuất hiện cao trong 25 bộ quy tắc đạo đức được nghiên cứu, từ góc độ tâm lý. Đồng thời, chúng xuất hiện phổ biến trong nghiên cứu so sánh giữa các bộ quy tắc đạo đức ngành tâm lý tại 24 quốc gia của Leach và Harbin (2010).

Xem xét những vấn đề đạo đức cốt lõi trong lĩnh vực tham vấn và trị liệu tâm lý, tác giả nhận thấy: dù cùng trình bày một vấn đề nhưng mỗi bộ đạo đức lại có những sự nhìn nhận rất khác nhau: Nó có thể được nhấn mạnh hay xem nhẹ, được chia thành một mục lớn hay được coi là mục nhỏ nằm trong một mục lớn và chúng được xếp ở các chương, mục khác nhau. Ví dụ, vấn đề Bảo mật trong Bộ quy tắc đạo đức của Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ (ACA) được xếp riêng thành một mục lớn (Chương B: Sự bảo mật, Quyền bảo mật thông tin và Sự riêng tư) với rất nhiều điều khoản đi kèm. Trong khi cùng vấn đề này, Hiệp hội Tham vấn và Trị liệu Canada (CCAP) chỉ xem vấn đề bảo mật như một mục nhỏ, nằm trong một mục lớn - Mục B: Quan hệ tham vấn.

Cơ sở thực tiễn để xây dựng Bộ Quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý cho Việt Nam được tác giả xem xét từ 2 khía cạnh:

Thứ nhất, việc lựa chọn những vấn đề đạo đức cần dựa trên các tiêu chí như: tính đại diện và phạm vi ảnh hưởng; sự phù hợp về văn hóa - lối sống; tính toàn diện và sự cập nhật và cuối cùng, sự phù hợp với nhu cầu thực tế (đã trình bày cụ thể ở trên).

Thứ hai, dựa vào tần suất xuất hiện những vấn đề đạo đức có trong các bộ đạo đức tiêu biểu mà các nước thường tham chiếu khi họ xây dựng bộ quy tắc đạo đức cho mình. Mặc dù các bộ quy tắc đạo đức trong lĩnh vực tham vấn/trị liệu tâm lý có các cấu trúc và tên gọi khác nhau, nhưng hầu hết chúng đều đề cập đến những vấn đề đạo đức cốt lõi, như trách nhiệm của người hành nghề tâm lý với nghề nghiệp; với khách hàng; với đồng nghiệp, với tổ chức, với xã hội. Đồng thời, các lĩnh vực mà họ cần thực hiện là tham gia đào tạo, giám sát, nghiên cứu, xuất bản, cũng như những chỉ dẫn về trách nhiệm báo cáo sai phạm đạo đức và quá trình xử lý sai phạm cho nhà tâm lý thực hành. Những vấn đề này cũng được kiểm chứng trong hoạt động tham vấn/trị liệu ở Việt Nam. Vì vậy, chúng là nền tảng để tác giả xây dựng nội dung Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

## **2.2. Điều tra thực trạng hoạt động tham vấn/trị liệu tâm lý ở Việt Nam**

Việc xây dựng Bộ Quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý ở Việt Nam còn được xác tín từ một số kết quả nghiên cứu khoa học do Đại học Quốc gia Hà Nội và Quỹ Khoa học Quốc gia (Nafosted) hỗ trợ tài chính, trong đó bao gồm các đề tài đã được thực hiện sau:

Việc thực hiện đề tài nghiên cứu “*Thực hành tham vấn và trị liệu tâm lý - Thực trạng và giải pháp*”, mã số QX.2007-05 (Trần Thị Minh Đức chủ nhiệm, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007 - 2009) bước đầu giúp tác giả xác định được thực trạng hành nghề, mức độ hiểu biết về thực hành tâm lý (tham vấn/trị liệu), nắm được quan điểm về đạo đức trong hành nghề của các nhà tâm lý ở Việt Nam. Các giải pháp nhằm thay đổi thực trạng gắn với việc đề xuất xây dựng một bộ quy tắc đạo đức nghề tâm lý.

Đề tài “*Nghiên cứu và xây dựng các tiêu chuẩn đạo đức nghề tham vấn ở Việt Nam*”, mã số QX09-07 (Trần Thị Minh Đức chủ nhiệm, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009 - 2011) đã giúp tác giả phác họa được những nguyên tắc và vấn đề đạo đức căn bản trong tham vấn. Qua đó, bước đầu xây dựng được tài liệu phục vụ môn học Đạo đức nghề tham vấn. Bộ quy tắc đạo đức nghề tham vấn được công bố trên Tạp chí Tâm lý học (2010) với tên: “*Một số nguyên tắc đạo đức nghề tham vấn ở Việt Nam*” (tên bài báo đã bị tự động thay đổi từ thuật ngữ “*Quy tắc*” thành “*Nguyên tắc*”. Vào thời điểm đó chúng ta thường lẫn lộn 2 thuật ngữ này!). Nội dung bộ quy tắc đạo đức nghề tham vấn được xây dựng bao gồm 4 mảng chính, với 50 quy tắc cụ thể: 1/ Trách nhiệm nghề nghiệp (14 điều khoản), 2/ Mối quan hệ với khách hàng (14 điều khoản), 3/ Mối quan hệ với đồng nghiệp (12 điều khoản) và 4/ Đào tạo và giám sát (10 điều khoản).

Trong giai đoạn thực hiện đề tài “*Nghiên cứu thực trạng hoạt động trợ giúp tâm lý nhằm xây dựng bộ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho các nhà tâm lý học Việt Nam*”, mã số VII.1.2013.10 (Trần Thị Minh Đức chủ nhiệm, Quỹ Khoa học Nafosted, 2013 - 2016), nhóm nghiên cứu đã phát phiếu điều tra trên các đối tượng khác nhau ở nhiều khóa sinh viên ngành tâm lý học nói chung và sinh viên chuyên ngành tâm lý học tham vấn và tâm lý học lâm sàng, điều tra trên học viên cao học các khóa (trong thời gian thực hiện đề tài và cả sau khi đã nghiệm thu đề tài), phỏng vấn giảng viên giảng

dạy các chuyên ngành tâm lý học, các nhà nghiên cứu tâm lý, các nhà thực hành tham vấn/trị liệu ở Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Hai năm sau khi nghiệm thu đề tài nghiên cứu, nhóm tác giả (Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái, Đặng Hoàng Ngân, 2018) đã công bố một Bộ Quy tắc đạo đức dành cho các nhà tâm lý học Việt Nam.

Ngoài ra, việc can thiệp tâm lý cho khách hàng có tổn thương và phỏng vấn sâu các trường hợp, tình huống có liên quan tới đạo đức, nhạy cảm đạo đức đã cho phép tác giả khái quát hóa các tình huống đạo đức có thể xảy ra trong thực hành nghề tâm lý ở Việt Nam. Các tình huống này tiếp tục được đối chiếu ngược vào các tiêu chuẩn và quy tắc đạo đức được xác định, đồng thời được so sánh với các tình huống đạo đức khác nhau trong các tài liệu ứng dụng đạo đức nghề tâm lý trị liệu trên thế giới (Barbara và Corey, 2005; Koocher và Spiegel, 2021). Điều này cho phép tác giả tự tin xác định các nguyên tắc, các quy tắc và các điều khoản đạo đức cụ thể.

Từ góc độ xử lý dữ liệu, các phương pháp nghiên cứu tài liệu và điều tra thực tiễn đã giúp tác giả xác định các nguyên tắc và các nhóm trách nhiệm đạo đức cốt lõi, phổ biến nhất trên thế giới. Đồng thời, tác giả rà soát, bổ sung/loại bỏ những tình huống đạo đức phù hợp/chưa phù hợp với bối cảnh thực hành nghề ở Việt Nam. Dựa trên những kết quả này, tác giả lập mô hình ma trận dạng bảng với các hàng và cột diễn giải mối liên kết giữa 4 nguyên tắc với 5 nhóm trách nhiệm đạo đức cốt lõi. Cách làm này cho thấy tính hệ thống và có thể sử dụng để so sánh, đối chiếu, phân tích đa chiều về mối liên kết này.

Ngoài ra, để xem xét sự gắn kết về nội dung giữa các điều khoản đạo đức cụ thể trong từng nhóm trách nhiệm đạo đức, tác giả sử dụng các Sơ đồ trách nhiệm để phản ánh các mối quan hệ tầng bậc. Trong đó, mỗi nhóm trách nhiệm đạo đức đều hiển thị các nhóm tiêu chuẩn đạo đức và mỗi tiêu chuẩn đạo đức lại bao gồm các điều khoản đạo đức cụ thể. Cách phân tích theo mô hình tầng bậc đã giúp tác giả sáng tỏ các mối quan hệ logic giữa chúng. Cuối cùng, tác giả kiểm chứng bộ đạo đức được phác thảo qua tham khảo thêm các chuyên gia, trình bày nó ở hội thảo khoa học và đưa vào thực tế giảng dạy trước khi hoàn thiện (phần dưới đây sẽ giải thích rõ hơn một số bước cơ bản trong xử lý và phân tích dữ liệu).

### **3. Phân tích mối liên kết giữa các nguyên tắc và các quy tắc đạo đức theo khung logic**

#### **3.1. Xác định các nguyên tắc và nhóm quy tắc đạo đức**

Bộ Quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý là tập hợp các nguyên tắc và các nhóm quy tắc đạo đức cốt lõi nhằm hướng dẫn hành vi nghề nghiệp cho các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng. Do đó, việc xác định các nguyên tắc đạo đức, các nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi và các điều khoản đạo đức cụ thể để đưa vào bộ quy tắc đạo đức phải phản ánh được toàn bộ các loại hình hoạt động của nhà tâm lý thực hành, như: can thiệp tâm lý cho khách hàng; tham gia đào tạo, giám sát chuyên môn cho người có nhu cầu học/làm nghề tâm lý và tham gia nghiên cứu, công bố khoa học.

Trong quá trình phân tích dữ liệu để xác định các nguyên tắc đạo đức nền tảng, tác giả nhận thấy các nguyên tắc đạo đức dưới đây phản ánh rõ nét trong các bộ quy tắc đạo đức. Đó là:

1/ *Nguyên tắc Tôn trọng (Respect)*: Tôn trọng là nền tảng đạo đức cho việc xây dựng các quy tắc đạo đức, liên quan đến bản thân nhà tâm lý, khách hàng, đồng nghiệp và tổ chức. Nó đảm bảo rằng các nhà tâm lý học không chỉ tôn trọng quyền (như quyền riêng tư, bảo mật, tự quyết, tự chủ...) và sự đa dạng của khách hàng, mà còn tuân thủ các nghĩa vụ nghề nghiệp, bao gồm trách nhiệm chuyên môn, đạo đức trong hành vi ứng xử và các quy định pháp lý liên quan. Đồng thời, tôn trọng còn thể hiện ở sự quan tâm tới những khác biệt giữa đồng nghiệp và có trách nhiệm với tổ chức, xã hội. Như vậy, nguyên tắc tôn trọng có mối liên quan chặt chẽ tới các khía cạnh khác nhau trong các nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi.

2/ *Nguyên tắc Liêm chính (Integrity)*: Phẩm chất liêm chính được hiện hữu trong tất cả các nhóm quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Khái niệm liêm chính không chỉ tập trung vào việc không gian dối, không xuyên tạc sự thật trong công việc (trung thực), mà còn bao gồm sự nhất quán, tính chính trực trong hành vi đạo đức của cá nhân nhà tâm lý. Theo tác giả, bản thân nguyên tắc Liêm chính đã có thể bao gồm tính Trung thực (nhấn mạnh vào việc nói và hành động theo đúng sự thật, tuân theo các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và kỳ vọng của xã hội) và tính Chính trực (thể hiện sự kiên định với các giá trị đạo đức ngay cả khi không có ai giám sát chuyên môn). Như vậy, lựa chọn nguyên tắc Liêm chính là kết hợp của nguyên tắc trung thực và nguyên tắc chính trực. Sự liêm chính thúc đẩy nhà tâm lý thực hành duy trì sự nhất quán giữa lời nói, hành động và giá trị đạo đức của mình. Nó thể hiện sự minh bạch trong nghiên cứu khoa học, đào tạo/giám sát chuyên môn và thực hành nghề tâm lý, đồng thời thể hiện trong các mối quan hệ với bản thân, khách hàng, đồng nghiệp và tổ chức, xã hội.

3/ *Nguyên tắc Năng lực (Competence)*: Nguyên tắc này gắn với những yêu cầu cao về năng lực chuyên môn của nhà tâm lý thực hành. Đó là sự phát triển liên tục kiến thức và kỹ năng chuyên môn để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Điều này bao gồm việc tham gia vào các khóa đào tạo, giám sát liên tục và các hoạt động nghiên cứu khoa học để luôn cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới nhất trong lĩnh vực chuyên môn. Ngoài ra, nguyên tắc năng lực yêu cầu nhà tâm lý thực hành cần nhận thức rõ về giới hạn năng lực và hạn chế chuyên môn của mình. Họ chỉ cung cấp những dịch vụ, những kỹ thuật mà họ đủ điều kiện về giáo dục, đào tạo và kinh nghiệm thực tế, đồng thời họ biết tham khảo ý kiến chuyên gia hoặc chuyên gia khách hàng khi cần thiết. Nguyên tắc này bao quát các lĩnh vực đạo đức khác nhau trong công việc của nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng.

4/ *Nguyên tắc Trách nhiệm (Responsibility)*: Trách nhiệm của nhà tâm lý thực hành thể hiện qua việc duy trì các chuẩn mực chuyên nghiệp cao và đảm bảo dịch vụ mình cung cấp là có lợi, hiệu quả và không gây hại. Các nhà tâm lý thực hành có trách nhiệm bảo vệ khách hàng khỏi sự lạm dụng và bất công trong khi vẫn tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật. Có thể nói, nguyên tắc trách nhiệm được phản ánh trong tất cả các nhóm quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Nó không chỉ gắn với lợi ích của khách hàng mà còn gắn với đồng nghiệp, tổ chức và xã hội. Đồng thời, tính trách nhiệm còn thể hiện trong các lĩnh vực chuyên môn khác nhau của nhà tâm lý thực hành, như đào tạo, giám sát và nghiên cứu, cũng như trách nhiệm đóng góp của họ vào sự phát triển của ngành tâm lý học.

Từ các nguyên tắc đạo đức nền tảng này, tác giả xây dựng các nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi. Công việc này kéo dài trên 5 năm (không liên tục về mặt thời gian), bao gồm việc tiếp tục nghiên cứu các bộ đạo đức trên thế giới (tập trung vào khía cạnh thực hành tâm lý trị liệu), đồng thời tham gia trị liệu trên các các nhóm khách hàng có rối nhiễu và rối loạn tâm lý/tâm thần. Các hoạt động này giúp tác giả mở rộng dần dần số lượng các nhóm vấn đề đạo đức trong bộ quy tắc đạo đức đề xuất, đồng thời bổ sung các điều khoản đạo đức gắn với các tình huống thực tế trong thực hành tham vấn/trị liệu tâm lý ở Việt Nam. Bộ Quy tắc đạo đức dành cho các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng này được xây dựng và phát triển dựa trên sự kế thừa của Bộ Quy tắc đạo đức nghề tham vấn đã công bố (Trần Thị Minh Đức, 2010).

Có thể nói, cấu trúc của Bộ Quy tắc đạo đức trong thực hành nghề tâm lý dành cho các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng hiện nay được xây dựng dựa trên 4 nguyên tắc (đã nêu ở trên) và 5 nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi. Đó là trách nhiệm đạo đức của nhà thực hành nghề tâm lý gồm: 1/ với nghề nghiệp, 2/ với khách hàng, 3/ với đồng nghiệp, tổ chức và xã hội, 4/ với công tác đào tạo, giám sát, nghiên cứu và công bố và 5/ với vấn đề báo cáo sai phạm và quy trình ra quyết định hành vi sai phạm.

Mỗi nhóm vấn đề đạo đức trên đều bao gồm các nhóm tiêu chuẩn và các điều khoản đạo đức. Chúng được trình bày từ khái quát đến cụ thể. Ví dụ, nhóm 1: *Trách nhiệm đạo đức với nghề nghiệp*, bao hàm trong đó 6 nhóm tiêu chuẩn đạo đức, như: tiêu chuẩn nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, sự bảo mật, hồ sơ khách hàng, sử dụng trách nhiệm và vấn đề quảng cáo. Mỗi một nhóm tiêu chuẩn này tiếp tục được cụ thể hóa thành những quy tắc đạo đức chi tiết, gọi là những điều khoản đạo đức (có 26 điều khoản trong nhóm Trách nhiệm đạo đức với nghề nghiệp của nhà thực hành tâm lý) (xem sơ đồ 2 và 3).

### **3.2. Kiểm tra sự liên kết qua mô hình ma trận và sơ đồ**

Để kiểm tra mối liên kết giữa các nguyên tắc đạo đức với các nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi, tác giả sử dụng cách tiếp cận hệ thống nhằm tạo ra một bảng ma trận để phân tích; đồng thời, xem xét sự phù hợp giữa các nhóm vấn đề với nhau, giữa các nhóm tiêu chuẩn trong cùng một nhóm vấn đề và các điều khoản cụ thể, cũng như trật tự logic giữa chúng. Các điều khoản đạo đức (đơn vị cuối cùng) phản ánh các hành vi đạo đức trong công việc của nhà tâm lý thực hành ở Việt Nam. Mặt khác, các điều khoản đạo đức này, dù được trình bày theo những cách khác nhau nhưng chúng đều xuất hiện trong các bộ quy tắc đạo đức của các quốc gia có nền tâm lý học thực hành phát triển (như Hoa Kỳ, Canada, Anh, Úc, Trung Quốc, Singapore).

#### **3.2.1. Xác định mối liên kết giữa nguyên tắc đạo đức và các nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi**

Để kiểm tra sự liên kết và nhất quán giữa các nguyên tắc và các nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi, các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra: *Các nguyên tắc được xác định có thực sự hiện diện trong các nhóm quy tắc đạo đức?; Có nguyên tắc đạo đức nào bị chồng chéo hoặc bị bỏ sót?; Thứ tự các nguyên tắc, các nhóm vấn đề đạo đức đã hợp lý chưa?; Mỗi nguyên tắc đạo đức liên quan thế nào đến các nhóm quy tắc cụ thể?; Liệu mỗi nguyên tắc đó có phản ánh được trong các ví dụ thực tế của các điều khoản đạo đức không? v.v.* (xem sơ đồ 1).

Các Nguyên tắc/Nhóm vấn đề đạo đức	a. Tôn trọng	b. Liêm chính	c. Năng lực	d. Trách nhiệm
<b>1. Trách nhiệm với nghề nghiệp</b>	✓ Tuân thủ các nguyên tắc ĐĐ và pháp luật, không sử dụng MQH NN vì lợi ích cá nhân.	✓ Trung thực về bằng cấp, năng lực và kinh nghiệm NN, chính trực trong truyền đạt TT, hay quảng cáo về bản thân.	✓ Duy trì tính chuyên nghiệp, thực hành hiệu quả và học tập suốt đời.	✓ Không làm tổn hại danh tiếng của nghề, nâng cao chất lượng và sự tôn nghiêm của NN, duy trì vị trí NN trong XH.
<b>2. Trách nhiệm với khách hàng</b>	✓ Tôn trọng phẩm giá, quyền tự quyết, tự chịu trách nhiệm của KH.	✓ Không lợi dụng KH, không có MQH đa chiều với KH.	✓ Không làm việc ngoài phạm vi chuyên môn, bảo vệ lợi ích và hỗ trợ hiệu quả VĐ của KH.	✓ Góp phần tăng cường sức khỏe tâm lý của CĐ và XH.
<b>3. Trách nhiệm với đồng nghiệp, tổ chức và xã hội</b>	✓ Tôn trọng đồng nghiệp, không lạm dụng hay xúc phạm họ. Tôn trọng quy tắc của tổ chức và môi trường NN.	✓ Không tham gia vào hoạt động phi ĐĐ, không làm sai lệch gây hại cho đồng nghiệp, tổ chức, XH.	✓ Hợp tác và nâng cao năng lực chuyên môn với đồng nghiệp các tổ chức và hội NN để nâng cao chất lượng dịch vụ và tự hoàn thiện.	✓ Xây dựng cộng đồng tâm lý học có ĐĐ, chuẩn mực, đóng góp vào sự phát triển chung của XH.
<b>4. Trách nhiệm với đào tạo, giám sát nghiên cứu và công bố</b>	✓ Tôn trọng người học, người được giám sát. Bảo vệ quyền lợi của người tham gia NC.	✓ Trung thực trong đào tạo, giám sát chuyên môn, không xuyên tạc kết quả NC, công bố.	✓ Nắm vững và đảm bảo thực hiện các phương pháp NC, đào tạo và can thiệp có tính khoa học và bằng chứng.	✓ Đào tạo, giám sát, NC và công bố vì lợi ích CĐ và XH.
<b>5. Trách nhiệm với báo cáo sai phạm và quy trình xử lý sai phạm</b>	✓ Tôn trọng sự thật, đảm bảo công bằng trong báo cáo và xử lý sai phạm.	✓ Không vu khống, bao che sai phạm, báo cáo tổ chức khi có sai phạm ĐĐ.	✓ Hiểu biết ĐĐ NN, nắm vững quy trình báo cáo sai phạm và ra quyết định ĐĐ.	✓ Đảm bảo minh bạch trong hành vi NN, hợp tác với các tổ chức NN để giải quyết sai phạm.

*Ghi chú: CĐ: Cộng đồng, ĐĐ: Đạo đức, KH: Khách hàng, MQH: Mối quan hệ, NN: Nghề nghiệp, NC: Nghiên cứu, XH: Xã hội, TT: Thông tin, VĐ: Vấn đề.*

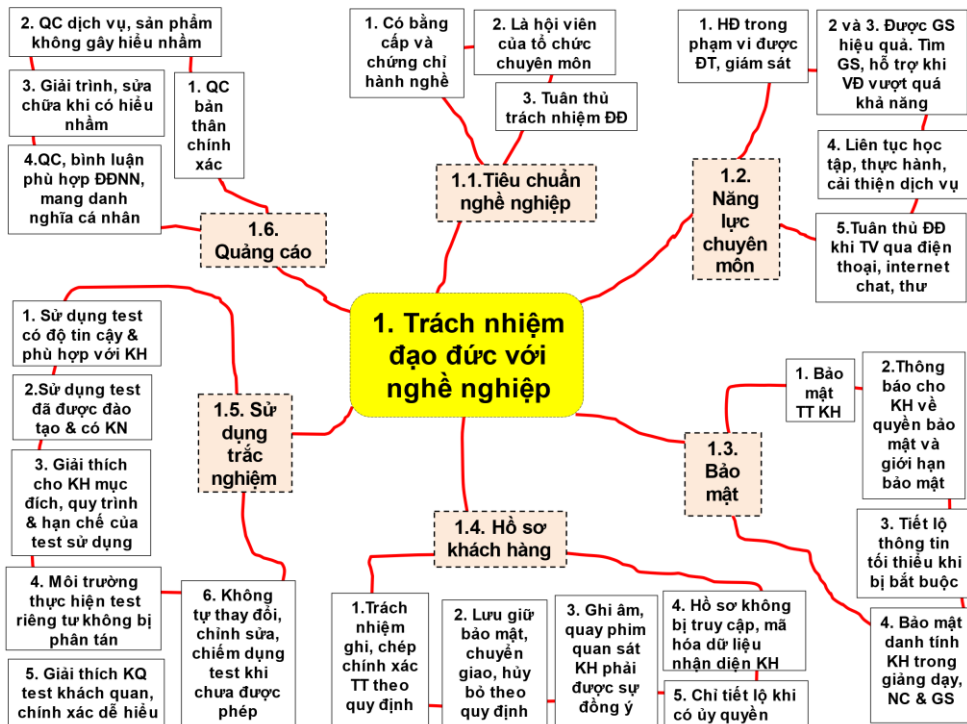
**Sơ đồ 1: Mối liên kết giữa 4 nguyên tắc và 5 nhóm vấn đề**

Các câu hỏi nghiên cứu và phân tích theo mô hình ma trận đã giúp làm rõ mối tương quan giữa các nguyên tắc và các nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi. Qua đó, mỗi nhóm vấn đề đạo đức (còn gọi là trách nhiệm đạo đức) đều liên kết trong tất cả các nguyên tắc đạo đức và ngược lại, nội hàm của từng nguyên tắc đạo đức đều hiện diện trong các nhóm trách nhiệm đạo đức khác nhau, không bị trùng lặp về nội dung.

Tóm lại, phân tích theo mô hình ma trận giúp tác giả hệ thống hóa bộ quy tắc đạo đức theo một cấu trúc rõ ràng hơn, giúp người học dễ dàng trải nghiệm và liên hệ với thực tế. Đồng thời, nó giúp các nhà thực hành có thể xem xét những yêu cầu về các phẩm chất nghề nghiệp (thể hiện qua các nguyên tắc như sự tôn trọng, tính liêm chính, năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp) liên quan thế nào với các trách nhiệm đạo đức trong các hoạt động chuyên môn khác nhau của mình thông qua 5 nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi.

### 3.2.2. Xác định nội hàm các nhóm tiêu chuẩn và các điều khoản đạo đức cụ thể

Sau khi xác định các nhóm tiêu chuẩn đạo đức và các điều khoản đạo đức cụ thể trong mỗi nhóm trách nhiệm, tác giả hiển thị chúng trên các sơ đồ trách nhiệm. Bằng cách mô tả tóm tắt (trên một trang giấy) từng điều khoản đạo đức trong từng nhóm tiêu chuẩn mà chúng thuộc về, tác giả đã kiểm tra mức độ logic, sự bao quát, rõ ràng, dễ hiểu và tính thực tế của từng sơ đồ (có 5 sơ đồ trách nhiệm phản ánh 5 nhóm vấn đề đạo đức cốt lõi). Trên cơ sở đó, tác giả tinh chỉnh lại cấu trúc tổng thể Bộ Quy tắc đạo đức (xem ví dụ sơ đồ 2).



Ghi chú: ĐĐ: Đạo đức, ĐT: Đào tạo, GS: Giám sát, HĐ: Hoạt động, KQ: Kết quả, KH: Khách hàng, NC: Nghiên cứu, QC: Quảng cáo, TV: Tham vấn, TN: Trắc nghiệm, TT: Thông tin, KN: Kinh nghiệm, VD: Vấn đề, NN: Nghề nghiệp.

### Sơ đồ 2: Trách nhiệm đạo đức trong thực hành nghề tâm lý

Một số câu hỏi quan trọng được xem xét, đó là: Bộ Quy tắc đạo đức này phù hợp với bối cảnh hành nghề tâm lý ở Việt Nam thế nào?; Có điều khoản đạo đức cụ thể nào chưa thực sự phù hợp với tình huống đạo đức thực tế ở Việt Nam?; Có nhóm tiêu chuẩn nào hay điều khoản đạo đức nào không thuộc về nhóm trách nhiệm đạo đức đó?; Có

*điều khoản đạo đức nào còn mô tả chung chung, mơ hồ, cần diễn đạt lại?; Có điều khoản nào đã bị trùng lặp, có thể bỏ đi hoặc gộp lại?; Có điều khoản đạo đức nào xuất hiện trong các bộ đạo đức trên thế giới nhưng chưa phù hợp với văn hóa ứng xử và thực tế làm nghề ở Việt Nam (hoặc ngược lại)? v.v.*

Từ góc độ nghiên cứu, việc biểu diễn và phân tích thông tin dựa trên các sơ đồ (ví dụ, sơ đồ 2) mang lại những lợi ích quan trọng trong xây dựng bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Đó là:

*a. Hệ thống hóa và cấu trúc hóa nội dung:* Việc sơ đồ hóa giúp phân loại rõ ràng các nhóm trách nhiệm đạo đức, đảm bảo không bỏ sót các khía cạnh đạo đức quan trọng. Đồng thời nó cung cấp một cái nhìn tổng thể về các mối quan hệ giữa những tiêu chí đạo đức; từ đó, giúp tổ chức nội dung bộ quy tắc một cách hợp lý và đầy đủ hơn.

*b. Đối chiếu và so sánh với các bộ quy tắc đạo đức khác:* Sơ đồ đạo đức giúp dễ dàng so sánh nội dung các điều khoản đạo đức được đề xuất và xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa các bộ quy tắc đạo đức quốc tế. Ngoài ra, nó giúp phân tích liệu bộ quy tắc của Việt Nam có cần bổ sung hoặc điều chỉnh để phù hợp hơn với bối cảnh thực tế hay không.

*c. Nhận diện các khoảng trống và điều chỉnh phù hợp:* Khi biểu diễn trên sơ đồ các điều khoản đạo đức, tác giả có thể phát hiện những tiêu chí chưa được đề cập, bị chồng chéo, lặp ý hoặc cần mô tả rõ hơn; đồng thời, giúp nhận diện các tiêu chuẩn cần phát triển thêm cho phù hợp với bối cảnh làm nghề ở Việt Nam.

*d. Hỗ trợ quy trình ra quyết định trong nghiên cứu:* Các sơ đồ trách nhiệm đạo đức giúp xác định mức độ quan trọng và liên kết giữa các tiêu chí, từ đó ưu tiên nội dung nào cần nhấn mạnh hơn. Điều này còn giúp tạo cơ sở để bàn thảo và tranh luận học thuật, đồng thời có thể sử dụng trong hội thảo, báo cáo nghiên cứu để minh họa rõ ràng về cách tiếp cận và tính logic khi xây dựng bộ quy tắc nghề nghiệp. Ngoài ra, việc biểu diễn nội dung các phần của bộ quy tắc đạo đức trên từng sơ đồ và cây đạo đức một cách trực quan sẽ giúp tác giả truyền đạt ý tưởng dễ dàng hơn so với mô tả bằng văn bản thuần túy.

Tóm lại, việc mô tả phân nhánh qua các sơ đồ trách nhiệm (ví dụ, sơ đồ 2) và cây đạo đức (sơ đồ 3) giúp làm rõ mối quan hệ tầng bậc trong cấu trúc bộ quy tắc đạo đức, giúp hình dung tổng thể từng nhóm trách nhiệm đạo đức cốt lõi, cũng như các điều khoản đạo đức cụ thể mà một nhà tâm lý thực hành cần tuân thủ.

Từ góc độ đào tạo, các sơ đồ trách nhiệm và cây đạo đức giúp người học dễ dàng tiếp cận và ghi nhớ thông tin. Họ có thể sử dụng để phân tích tình huống, tranh luận về các khía cạnh đạo đức khác nhau trong nghề và có thể dùng để đánh giá và cập nhật bộ quy tắc đạo đức theo thời gian. Hơn nữa, các sơ đồ đạo đức còn giúp hỗ trợ trong thực hành nghề. Người làm nghề tâm lý có thể nhanh chóng đối chiếu các điều khoản khi gặp tình huống nhạy cảm đạo đức và nhận ra trách nhiệm đạo đức nào họ cần xem xét.

Đặc biệt, việc phân tích và diễn giải các điều khoản đạo đức trên sơ đồ đã cho phép tác giả cân nhắc câu từ thể hiện. Điều này giúp bộ quy tắc đạo đức giữ được tính nhân văn trong cách thể hiện các điều khoản đạo đức có tính pháp lý. Theo đó, bộ quy tắc này không sử dụng các cụm từ như: “*Nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng phải/ không được...*”. Tác giả học sử dụng kiểu hành văn này dựa trên sự lắng nghe ý kiến

của giáo sư Odette Lescaret (nhà tâm lý học Pháp) khi bà chia sẻ sự không hài lòng về tính “cứng nhắc và luật hóa” trong một số bộ quy tắc đạo đức ngành tâm lý học. Đồng thời, tác giả học hỏi cách trình bày có tính “tâm lý” trong Tuyên bố chung về các nguyên tắc đạo đức dành cho nhà tâm lý học thế giới (Gauthier, Pettifor và Ferrero, 2010) và trong các bộ quy tắc đạo đức của Canada<sup>(1)</sup>.

Có thể nói, việc xây dựng Bộ Quy tắc đạo đức thông qua cách tiếp cận hệ thống và biểu diễn thông tin trên ma trận và sơ đồ không chỉ giúp tác giả sắp xếp, đối chiếu, điều chỉnh các tiêu chuẩn đạo đức, mà chúng còn đóng vai trò là công cụ nghiên cứu và truyền đạt hiệu quả trong quá trình xây dựng bộ quy tắc đạo đức cho ngành tâm lý ở Việt Nam.

### **3.3. Biên soạn tài liệu dạy học và hoàn thiện Bộ Quy tắc đạo đức**

Việc biên soạn giáo trình đạo đức trong lĩnh vực thực hành nghề tâm lý trị liệu luôn đi kèm với việc hoàn thiện bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Chúng gắn liền với các câu hỏi nghiên cứu: *Việc biên soạn tài liệu về đạo đức nghề và bộ quy tắc đạo đức nghề có mối quan hệ thế nào?; Giáo trình đạo đức cần trình bày thế nào để nhấn mạnh được bộ quy tắc đạo đức này?; Có điều gì cần bổ sung trong giáo trình để làm nổi bật các điều khoản đạo đức của bộ quy tắc nghề nghiệp này?; Việc minh họa các điều khoản đạo đức qua các tình huống thực tế nên thể hiện thế nào trong giáo trình?; Có các tài liệu nào trên thế giới đã giải nghĩa và cụ thể hóa các bộ đạo đức nghề tâm lý?*

Trong giai đoạn hoàn thiện Giáo trình Đạo đức và Bộ Quy tắc đạo đức, tác giả tiếp tục thu thập các tình huống thực tế từ người học và chuyên gia tâm lý; tiếp tục dịch và bổ sung các tình huống vi phạm đạo đức, nhạy cảm đạo đức trên thế giới vào giáo trình (Barbara và Corey, 2005; Corey, 2005; Remley và Herlihy, 2019; Koocher và Spiegel 2021). Bên cạnh đó, tác giả đã xây dựng một bảng kiểm (checklist) phản ánh nội dung các điều khoản trong Bộ quy tắc đạo đức để giúp người học và nhà thực hành tâm lý tự đánh giá mức độ hiểu biết của bản thân về đạo đức nghề nghiệp.

Quá trình biên soạn tài liệu học tập cũng gắn liền với việc đối chiếu lại các điều khoản đạo đức nhằm đánh giá mức độ gắn kết của Bộ Quy tắc đạo đức với những vấn đề phổ biến nhất trong thực hành nghề nghiệp. Các câu hỏi nghiên cứu đều được đặt ra cho học viên cao học thảo luận. Giáo trình Đạo đức trong Tham vấn và Trị liệu tâm lý được xây dựng xoay quanh những khía cạnh đạo đức trong mối quan hệ nghề nghiệp của các nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng. Giáo trình đã được nghiệm thu vào năm 2020. Tuy nhiên, sự điều chỉnh các tình huống đạo đức và phân tích gắn với các điều khoản của Bộ Quy tắc đạo đức vẫn được cập nhật. Điều này cho thấy Bộ Quy tắc đạo đức vẫn đang được tiếp tục hoàn thiện dựa trên ý kiến đóng góp từ đồng nghiệp trong ngành.

Cây đạo đức được tác giả xây dựng từ năm 2016 để đem vào giảng dạy. Nó được giới thiệu tại Hội thảo Quốc gia “Tâm lý học và phát triển bền vững” do Hội Tâm lý học Xã hội tổ chức (2019). Ngoài ra, Bộ Quy tắc đạo đức cũng được chia sẻ cho các đồng nghiệp đang giảng dạy môn Đạo đức nghề, hoặc chuyên đề đạo đức ở một số cơ sở có đào tạo sinh viên ngành tâm lý học, như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội), Trường Đại học Sư phạm (Đại học Đà Nẵng), Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).



Ghi chú: NC: Nghiên cứu, XB: Xuất bản, MQH: Mọi quan hệ, KH: Khách hàng, XH: Xã hội.

**Sơ đồ 3:** Cây đạo đức trong thực hành nghề tâm lý

Cấu trúc của Bộ Quy tắc đạo đức hiện nay bao gồm 5 nhóm vấn đề lớn, với 19 nhóm tiêu chuẩn và được thể hiện qua 100 điều khoản đạo đức. Đó là: 1/ Trách nhiệm đạo đức của nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng đối với nghề nghiệp bao gồm 6 nhóm tiêu chuẩn với 26 điều khoản, 2/ Trách nhiệm với khách hàng bao gồm 4 nhóm tiêu chuẩn với 24 điều khoản, 3/ Trách nhiệm với đồng nghiệp, tổ chức và xã hội gồm 3 nhóm tiêu chuẩn với 16 điều khoản, 4/ Trách nhiệm với đào tạo, giám sát, nghiên cứu và công bố thể hiện trong 3 nhóm tiêu chuẩn với 24 điều khoản và cuối cùng, 5/ Trách nhiệm đạo đức đối với quy trình báo cáo sai phạm và ra quyết định đạo đức bao gồm 3 nhóm tiêu chuẩn với 10 điều khoản.

#### 4. Kết luận

Các tiêu chuẩn đạo đức trong thực hành nghề tâm lý luôn thực sự đóng vai trò như kim chỉ nam, giúp các nhà tham vấn/trị liệu đưa ra quyết định phù hợp trong các tình huống nhạy cảm về đạo đức nghề nghiệp.

Bộ Quy tắc đạo đức dành cho người thực hành nghề tâm lý (chủ yếu là nhà tâm lý học tham vấn và lâm sàng) được xây dựng dựa trên việc phân tích 27 bộ quy tắc đạo đức của các nước có nền tâm lý học phát triển. Quá trình này được liên kết với việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan và kinh nghiệm thực hành nghề. Các hoạt động nghiên cứu này giúp tác giả nhanh chóng xác định các nguyên tắc và các nhóm

vấn đề đạo đức cốt lõi. Trên cơ sở đó, phương pháp phân tích ma trận và phân tích sơ đồ tầng bậc đã được áp dụng. Điều này dẫn đến hình thành mô hình Cây đạo đức. Cây đạo đức là cấu trúc “xương cốt” của bộ quy tắc đạo đức nghề tâm lý. Nó phản ánh một khung logic, toàn diện về mối quan hệ giữa các nguyên tắc đạo đức, các nhóm vấn đề đạo đức, các nhóm tiêu chuẩn đạo đức và được thể hiện qua 100 điều khoản đạo đức cụ thể, phản ánh các hoạt động thực hành chăm sóc sức khỏe tinh thần và các hoạt động đa dạng từ những vị trí công việc khác nhau của nhà Tâm lý học tham vấn và lâm sàng ở Việt Nam.

Nhìn chung, các bộ quy tắc đạo đức trên thế giới không mang tính cố định, bất biến. Chúng luôn được cập nhật, điều chỉnh và hoàn thiện theo sự phát triển của thực tiễn xã hội và những thay đổi trong hành nghề. Việt Nam cũng không ngoại lệ.

Bộ Quy tắc đạo đức dành cho các nhà thực hành nghề tâm lý ở Việt Nam sẽ được giới thiệu chi tiết trong công bố tiếp theo.

### **Chú thích:**

**Sự ghi nhận:** Tác giả xin chân thành cảm ơn Đại học Quốc gia Hà Nội và Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia Nafosted đã hỗ trợ kinh phí cho những nghiên cứu về tham vấn/trị liệu và xây dựng Bộ quy tắc đạo đức trong lĩnh vực tâm lý học.

1. Do giới hạn về số trang của bài viết, bạn đọc có thể tham khảo trực tiếp các bộ đạo đức của Canada hoặc của Hoa Kỳ theo danh mục tài liệu.

### **Tài liệu tham khảo**

#### ***Tài liệu từ các hiệp hội và tổ chức chuyên nghiệp***

##### ***Hiệp hội Tâm lý và Tham vấn Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada)***

1. American Counseling Association (ACA, 2014). *Code of Ethics*. [https://www.counseling.org/docs/default-source/default-document-library/ethics/2014-aca-code-of-ethics.pdf?sfvrsn=55ab73d0\\_1](https://www.counseling.org/docs/default-source/default-document-library/ethics/2014-aca-code-of-ethics.pdf?sfvrsn=55ab73d0_1).
2. American Mental Health Counselors Association (AMHCA). *Code of Ethics*. <https://www.amhca.org/events/publications/ethics>.
3. American Psychological Association (APA, 2002). *Ethical Principles of Psychologists and Code of Conduct*. <https://www.apa.org/ethics/code/principles.pdf>.
4. Canadian Psychological Association (CPA) (2017). Canadian Code of Ethics for Psychologists. [https://cpa.ca/docs/File/Ethics/CPA\\_Code\\_2017\\_4thEd.pdf](https://cpa.ca/docs/File/Ethics/CPA_Code_2017_4thEd.pdf).
5. Canadian Counselling and Psychotherapy Association (CCPA, 2020). *Code of Ethics*. <https://www.ccpa-accp.ca/wp-content/uploads/2020/05/CCPA-2020-Code-of-Ethics-E-Book-EN.pdf>.

##### ***Hiệp hội Tâm lý và Tham vấn châu Âu (chung cho châu Âu, Anh, Pháp, Bỉ, Đức, Ailen, Nga)***

6. British Psychological Society (BPS, 2021). *Code of Ethics and Conduct*. <https://www.bps.org.uk/guideline/code-ethics-and-conduct>.

7. Code de déontologie des psychologues France (2021). [https://www.psychologue-legislation.com/pdf/code\\_deontologie\\_psychologues\\_2021.pdf](https://www.psychologue-legislation.com/pdf/code_deontologie_psychologues_2021.pdf).
  8. Psychological Society of Ireland (PSI). Code of Professional Ethics. [https://www.psychologicalsociety.ie/source/Code%20of%20Professional%20Ethics%20\(Oct%202019\).pdf](https://www.psychologicalsociety.ie/source/Code%20of%20Professional%20Ethics%20(Oct%202019).pdf).
  9. Ethical Framework for the Counselling Professions (BACP). *British Association for Counselling and Psychotherapy (BACP)*. [https://d1aettbyeyfilo.cloudfront.net/leapequine/23666991\\_1635527911940BACP\\_ethical\\_framework.pdf](https://d1aettbyeyfilo.cloudfront.net/leapequine/23666991_1635527911940BACP_ethical_framework.pdf).
  10. European Association for Gestalt Therapy (EAGT, 1985). *Code of Ethics and Professional Practice*. [https://gestalt-bulgaria.org/wp-content/uploads/2015/07/Ethics\\_Code\\_\\_Complaints\\_Procedure\\_2015.pdf](https://gestalt-bulgaria.org/wp-content/uploads/2015/07/Ethics_Code__Complaints_Procedure_2015.pdf).
  11. European Federation of Psychologists Associations (EFPA, 2005). *Meta-Code of Ethics*. <https://www.efpa.eu/sites/default/files/2023-04/Meta-code-of-ethics.pdf>.
  12. Fédération des Psychologues Belges (2014). *Code de déontologie*. <https://www.psy.be/fr/code-de-deontologie>.
  13. German Psychological Society (DGPs) and Professional Association of German Psychologists (BDP) (1999). *Ethical Principles*. Available at: <https://www.dgps.de/die-dgps/aufgaben-und-ziele/berufsethische-richtlinien/>.
  14. Russian Psychological Society (RPS, 2012). *Code of Ethics*. [https://www.psyus.ru/en/documents/code\\_ethics.php](https://www.psyus.ru/en/documents/code_ethics.php).
- Hiệp hội Tâm lý và Tham vấn châu Úc (Úc và New Zealand)*
15. Australian Psychological Society (APS, 2007). *Code of Ethics*. <https://psychology.org.au/getmedia/d873e0db-7490-46de-bb57-c31bb1553025/aps-code-of-ethics.pdf>.
  16. Code of Ethics for Psychologists Working in Aotearoa/New Zealand. <https://www.psychology.org.nz/journal-archive/code-of-ethics.pdf>.
  17. New Zealand Association of Counsellors (NZAC, 2020). *Code of Ethics - A Framework for Ethical Practice*. <https://nzac.org.nz/document/6629/NZAC-Code-of-Ethics-2002-Revised-2020.pdf>.
- Hiệp hội Tâm lý và Tham vấn châu Á (Trung Quốc, Nhật, Philippines, Singapore, Turkish)*
18. Chinese Psychological Society (CPS, 2018). Code of Ethics for Clinical and Counseling Psychology. *Acta Psychologica Sinica*, 50(11), 1314-1322.
  19. Ethical Principles of Psychologists. *The Japanese Psychological Association (JPA)*. <https://psych.or.jp/english/ethical/>.
  20. International Mental Health Professionals Japan (IMHPJ, 2020). *Code of Ethics*. <https://www.imhpj.org/wp-content/uploads/2020/05/IMHPJ-Code-of-Ethics-May-2020.pdf>.
  21. Psychological Association of the Philippines (PAP, 2022). *Code of Ethics for Philippines Psychologists*. <https://pap.ph/file/documents/pap-code-of-ethics-2022.pdf>.
  22. Singapore Association for Counseling (SAC, 2018). *Code of Ethics*. <https://sacsingapore.org/membership/code-of-ethics/>.

23. Singapore Psychological Society (SPS, 2019). *Code of Ethics*. <https://singaporepsychologicalsociety.org/wp-content/uploads/2022/06/SPS-Code-of-Ethics-1st-Edition.pdf>.

24. Turkish Psychological Association (TPA, 2004). *Ethics Code*. <https://www.cag.edu.tr/uploads/site/lecturer-files/turkish-psychological-association-ethics-code-5z3a.pdf>.

*Hiệp hội Công tác xã hội (Hoa Kỳ)*.

25. Code of Ethics of the National Association of Social Workers (NASW). <https://utw10037.utweb.utexas.edu/dl/files/academic-programs/other/nasw-code-of-ethics.pdf>.

***Tài liệu học thuật và sách chuyên môn tiếng Anh***

26. Barbara, H., & Corey, G. (2005). *ACA Ethical Standards Casebook (Seventh Edition)*. <https://imis.counseling.org/images/large/78089-FM.pdf>.

27. Corey, G. (2012). *Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy (9th ed.)*. Publisher Brooks Cole. ISBN: 978-0-8400-2854-9.

28. Gauthier, J., Pettifor, J., & Ferrero, A. (2010). The Universal declaration of Ethical Principles for psychologists: A culture-sensitive model for creating and reviewing a code of ethics. *Ethics & Behavior*, 20(3-4), 179-196. <https://doi.org/10.1080/10508421003798885>.

29. Koocher, G. P., & Spiegel, P. K. (2021). *Necessary secrets: Ethical dilemmas Involving confidentiality*. <https://www.continuingeducation.net/active/courses/course129.php>.

30. Leach, M. M., & Harbin, J. J. (2010). Psychological Ethics codes: A comparison of twenty-four countries. *International Journal of Psychology*. <https://doi.org/10.1080/002075997400854>.

31. Remley, T. P., Jr., & Herlihy, B. P. (2019). *Ethical, Legal, and Professional Issues in Counseling (6th Edition)*. Pearson. ISBN: 9780135183816.

***Tài liệu Việt Nam***

32. Trần Thị Minh Đức (2010). Một số nguyên tắc đạo đức nghề tham vấn ở Việt Nam. *Tạp chí Tâm lý học*, số 6, tr. 1-12. ISSN: 1859-3917.

33. Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái và Đặng Hoàng Ngân (2018). Dự thảo xây dựng Bộ quy điều đạo đức cho các nhà tâm lý học Việt Nam. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 279-296. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-luat-su-2006-65-2006-QH11-12981.aspx>.

34. Luật luật sư (2012). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-Luat-su-sua-doi-2012-152713.aspx>.